

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 486/2023/DS-ST

Ngày: 31-8-2023

V/v “Kiện đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Mai Hảo – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 250/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023 về “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 807/2023/QĐSTXX-DS ngày 08 tháng 8 năm 2023 và giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Phạm Thái T., sinh năm: 1957;

Địa chỉ: Tổ 8, ấp X, xã Y, Thành phố Z, tỉnh An Giang;

2. *Bị đơn:* bà Dương Hoà M., sinh năm: 1971;

Địa chỉ: Số 149/28 đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Xuân T1., sinh năm: 1978 (theo Giấy ủy quyền số 09982, quyền số 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/6/2023 tại Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh).

Địa chỉ: Số 54 đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện ngày 02 tháng 5 năm 2023 và tại bản tự khai, các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn là ông Phạm Thái T. trình bày:

Vào ngày 15/7/2020, ông Phạm Thái T. có cho bà Dương Hoà M. mượn số tiền là 40.000.000 đồng cam kết ngày 15/01/2021 trả lại. Đúng hẹn ông Phạm Thái T. có yêu cầu bà M. thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà M. không trả. Đến ngày 02/3/2021 ông T. và bà M. có ký lại Giấy mượn nợ và hẹn đến ngày 02/9/2021 trả nợ nhưng đến hẹn bà M. tiếp tục không trả. Đến ngày 23/11/2021 cả hai có ký lại giấy gia hạn nợ và cam kết đến ngày 02/9/2022 là hạn chót trả nợ nhưng bà M. vẫn không trả tiền. Từ đó đến khi khởi kiện, nhiều lần ông Phạm Thái T. có yêu cầu bà M. thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà M. vẫn không trả.

Nay ông Phạm Thái T. yêu cầu Tòa án buộc bà Dương Hoà M. trả lại cho ông Phạm Thái T. số tiền là 40.000.000 đồng.

Yêu cầu bà Dương Hoà M. trả số tiền trên ngay thành 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông T. tự nguyện không yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Tại bản tự khai, các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn là bà Dương Hoà M. do ông Nguyễn Xuân T1. là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Phía bị đơn xác nhận là bà Dương Hoà M. có mượn số tiền 40.000.000 đồng của ông Phạm Thái T.. Nay bà Dương Hoà M. đồng ý trả nợ cho ông Phạm Thái T. theo phương án trả dần số tiền 1.500.000 đồng mỗi tháng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm:

- Nguyên đơn là ông Phạm Thái T. và đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Xuân T1. có mặt.

- Ông T. giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày.

- Đại diện ủy quyền của bị đơn giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến với nội dung chính như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định quan hệ tranh chấp; xác định tư cách pháp lý; thu thập chứng cứ; thời gian tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; Thời hạn chuẩn bị xét xử; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 276, Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 494, Điều 495, Điều 496, Điều 497, Điều 498, Điều 499 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc bà Dương Hoà M. có nghĩa vụ trả lại cho ông Phạm Thái T. số tiền 40.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm trả sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Về phương thức và thời hạn thanh toán: buộc bà Dương Hoà M. thanh toán toàn bộ số nợ trên cho nguyên đơn một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào Đơn khởi kiện, Hợp đồng mượn tiền, giấy mượn tiền và các giấy gia hạn nợ về việc “Kiện đòi tài sản” là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ hồ sơ thì bà Dương Hoà M. đang cư trú tại số 149/28 đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Xét Đơn khởi kiện; Hợp đồng mượn tiền, giấy mượn tiền và các giấy gia hạn nợ thì bà Dương Hoà M. có mượn của ông Phạm Thái T. số tiền là 40.000.000 đồng, sau khi hết thời gian mượn bà M. nhiều lần hứa hẹn và ký giấy gia hạn nhưng đến nay vẫn không trả nợ. Việc này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của ông Phạm Thái T.. Nay ông Phạm Thái T. yêu cầu bà Dương Hoà M. trả một lần số tiền 40.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông T. là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Đối với phần trình bày của đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông Nguyễn Xuân T1., Hội đồng xét xử xét thấy việc phía bị đơn yêu cầu trả nợ với số tiền 1.500.000 đồng mỗi tháng là không phù hợp với thỏa thuận của các bên và không phù hợp với quy định của pháp luật nên không có căn cứ để chấp nhận.

[2.1] Về yêu cầu đòi với lãi chậm trả:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Thái T. không yêu cầu bà Dương Hoà M. có nghĩa vụ trả lãi chậm trả.

[2.2] Về phương thức và thời hạn thanh toán:

Ông Phạm Thái T. yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Dương Hoà M. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 171; Điều 177; Điều 179; Điều 196; Điều 208; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 233; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Điều 274, Điều 275, Điều 276, Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 494, Điều 495, Điều 496, Điều 497, Điều 498, Điều 499 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Luật Phí và Lệ phí năm 2016;

- Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thái T..

[2] Buộc bà Dương Hoà M. có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Thái T. số tiền 40.000.000 đồng.

[3] Về yêu cầu đòi với lãi chậm trả:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Thái T. không yêu cầu bà Dương Hoà M. có nghĩa vụ trả lãi chậm trả sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về phương thức và thời hạn thanh toán:

Ông Phạm Thái T. yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Dương Hoà M. phải chịu án phí dân sự là 2.000.000 đồng.

Ông Phạm Thái T. được miễn tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

Lâm Đức Tài